

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 497/2019/DSST

Ngày: 29/11/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa: Bà Lê Phan Mỹ Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 547/2019/TLDS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 310/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 260/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng V

Địa chỉ trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường L, Quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn T, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Lầu 2, số 96 Cao Thắng, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị H, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 8, ấp 11A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 8, ấp 11A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2019, nguyên đơn Ngân hàng V trình bày sự việc như sau:

Ngân hàng V đã ký hợp đồng tín dụng với bà Lê Thị H, giải ngân ngày 30/6/2016 với khoản vay 52.500.000đ (năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), thời hạn vay 24 tháng, căn cứ Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ Ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 18/6/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng, khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng đã ký. Phía nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bị đơn thanh toán nhưng bị đơn không thực hiện thanh toán nợ.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà H cùng chồng là ông V phải trả ngay một lần cho Ngân hàng số nợ gốc 37.473.611đ (ba mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm mười một đồng), nợ lãi tính đến ngày 30/6/2019 là 47.551.046 (bốn mươi bảy triệu năm trăm năm mươi một nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng), tổng cộng là 85.024.657đ (tám mươi lăm triệu không trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng). Ngoài ra bà H, ông V còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 01/7/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Tại phiên tòa, ông Hà Văn Tường là người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H có trả cho Ngân hàng được số tiền 32.436.873 (ba mươi hai triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi ba đồng), trong đó 15.026.389đ (mười lăm triệu không trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi chín đồng) là khoản tiền gốc, số tiền còn lại 17.410.484đ (mười bảy triệu bốn trăm mười nghìn bốn trăm tám mươi bốn đồng) là tiền lãi. Kể từ thời điểm tháng 7/2017 đến nay, bà H không nộp thêm bất cứ khoản tiền nào nữa.

Tính đến ngày 29/11/2019, bà H còn nợ Ngân hàng V số tiền 95.590.235đ (chín mươi lăm triệu năm trăm chín mươi nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng), trong đó gồm: nợ gốc 37.473.611đ (ba mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm mười một đồng), nợ lãi tính đến ngày 29/11/2019 là 58.116.624đ (năm mươi tám triệu một trăm mười sáu nghìn sáu trăm hai mươi bốn đồng).

Nay Ngân hàng yêu cầu bà H, ông V phải trả cho Ngân hàng số tiền trên, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra bà H, ông V còn phải chịu tiền lãi quá hạn phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 30/11/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh V đều vắng mặt nên không có lời khai của bà H, ông V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét

xử sơ thẩm và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, 91, 94, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng V (viết tắt là Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng), Tòa án đã thụ lý vụ kiện có mối quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn trong vụ kiện là bà Lê Thị H hiện có địa chỉ tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn bà Lê Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh V, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng về việc yêu cầu bà Lê Thị H cùng ông Nguyễn Thanh V phải liên đới trả cho nguyên đơn số nợ tính đến ngày 29/11/2019 là 95.590.235đ (chín mươi lăm triệu năm trăm chín mươi nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng), trong đó gồm: nợ gốc 37.473.611đ (ba mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm mười một đồng), nợ lãi tính đến ngày 29/11/2019 là 58.116.624đ (năm mươi tám triệu một trăm mười sáu nghìn sáu trăm hai mươi bốn đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra bà H, ông V còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 30/11/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Hội đồng xét xử nhận định:

Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng có cho bà Lê Thị H vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 20160629-101066-5262 ngày 18/6/2016 với khoản vay 52.500.000đ (năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), thời hạn vay 24 tháng, lãi

suất thỏa thuận 40%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H có trả cho Ngân hàng được số tiền 32.436.873 (ba mươi hai triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi ba đồng), trong đó 15.026.389đ (mười lăm triệu không trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi chín đồng) là khoản tiền gốc, số tiền còn lại 17.410.484đ (mười bảy triệu bốn trăm mười nghìn bốn trăm tám mươi bốn đồng) là tiền lãi. Kể từ thời điểm tháng 7/2017 đến nay, bà H không nộp thêm bất cứ khoản tiền nào nữa.

Tính đến ngày 29/11/2019, bà H còn nợ Ngân hàng V số tiền 95.590.235đ (chín mươi lăm triệu năm trăm chín mươi nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng), trong đó gồm: nợ gốc 37.473.611đ (ba mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm mười một đồng), nợ lãi tính đến ngày 29/11/2019 là 58.116.624đ (năm mươi tám triệu một trăm mười sáu nghìn sáu trăm hai mươi bốn đồng).

Xét thấy do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc nguyên đơn yêu cầu bà H phải trả cho nguyên đơn số tiền trên là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn là buộc bà H phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ cho nguyên đơn, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, xét thấy yêu cầu này là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi từ ngày 30/11/2019 cho đến khi trả xong số nợ còn lại theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận của hai bên được quy định tại Hợp đồng tín dụng. Vì vậy, theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và theo Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 (được công bố theo quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao), có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn. Như vậy, kể từ ngày 30/11/2019, bà H còn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà H phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Xét việc nguyên đơn yêu cầu ông V phải có trách nhiệm cùng với vợ là bà H trả nợ cho Ngân hàng. Xét thấy tại biên bản làm việc giữa nguyên đơn và ông V ngày 19/9/2019 thể hiện ông V có biết về khoản tiền vay giữa bà H với Ngân hàng, ông V cũng đồng ý trả nợ thay cho vợ là bà H, do đó việc nguyên đơn yêu cầu ông V phải liên đới trả nợ cho nguyên đơn là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ sự phân tích trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là phù hợp.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bà H, ông V phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định và hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng vào các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Áp dụng Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng V.

Buộc bà Lê Thị H và ông Nguyễn Thanh V phải liên đới trả cho Ngân hàng V số tiền tính đến ngày 29/11/2019 là 95.590.235đ (chín mươi lăm triệu năm trăm chín mươi nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng), trong đó gồm: nợ gốc 37.473.611đ (ba mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm mười một đồng), nợ lãi tính đến ngày 29/11/2019 là 58.116.624đ (năm mươi tám triệu một trăm mười sáu nghìn sáu trăm hai mươi bốn đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 30/11/2019, bà H, ông V còn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 20160629-101066-5262 ngày 18/6/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà H, ông V phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm buộc bà H và ông V phải nộp là 4.779.511đ (bốn triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm mười một đồng).

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 2.125.616đ (hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng) cho Ngân hàng V theo biên lai số: 0022672 ngày 22/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được

niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương